

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 5 - 2025

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên;

Bà Trần Thị Minh Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tô Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐ-ST ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công L, địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G, địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Công L trình bày:

Anh Nguyễn Công L và chị Nguyễn Thị G đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã Triệu Tân), huyện C, tỉnh

Quảng Trị. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên chị G đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó đến nay, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau mục đích là để thăm hỏi sức khỏe của con cái. Nay, anh L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị G.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/8/2014, hiện nay cháu đang ở với anh L. Anh L có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị G không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của anh L.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/3/2025, bà Nguyễn Thị Kh là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị G và anh L kết hôn năm 2013, quá trình chung sống chị G và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/8/2014, đang do bà Khuyến nuôi dưỡng. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của chị G tại Đài Loan, nhưng chị G vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua mạng xã hội. Sau khi biết thông tin anh L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị G thì gia đình có thông tin cho chị G biết và chị G thông tin lại cho gia đình là đồng ý ly hôn với anh L. Về con chung thì chị G yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu Phương. Bà Kh cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị G và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho chị G được biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp có tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- + Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Công L được ly hôn chị Nguyễn Thị G.
- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/8/2014 cho anh Nguyễn Công L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.
- + Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- + Về án phí: Anh Nguyễn Công L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Công L yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị G khi chị G đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh L và gia đình chị G không cung cấp được địa chỉ của chị G tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của chị G vẫn thường xuyên liên lạc với chị qua mạng xã hội. Gia đình chị G nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho chị G nhưng chị G không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh L nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Công L và chị Nguyễn Thị G trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì chị G xuất cảnh và làm việc tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh L làm đơn ly hôn, thông qua gia đình thì chị G đồng ý ly hôn. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa anh L và

chị G không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L được ly hôn với chị G.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/8/2014, cháu đang ở với bà ngoại và nguyện vọng của cháu là muốn ở cùng với bà ngoại. Tuy nhiên, hiện nay chị G đang ở Đài Loan không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Phương cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của bố mẹ để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu và anh L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần giao cháu Nguyễn Thị Thu P cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Công L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công L được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 17/8/2014 cho anh Nguyễn Công L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị G không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Công L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Giấy thu tiền số 000003084842 ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam. Anh Nguyễn Công L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Lệ Nguyễn Văn Biên

Đoàn Thị Kim Thương

